

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU
(Ngày 23 tháng 12 năm 2022)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Anh Thơ Ngày tháng năm sinh: 17/04/1987
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non 11
- Nơi thường trú: 97/34 Phạm Phú Thứ Phường 11 Quận Tân Bình
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 042187000806 ngày cấp: 22/12/2021 nơi cấp Công

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thụy Nam Khương Ngày tháng năm sinh: 30/9/1978

(Đã li hôn từ năm 2011, không phụ thuộc kinh tế)

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

- Họ và tên: Nguyễn Thụy Khanh Ngày tháng năm sinh: 03/12/2011
- Nơi thường trú: 97/34 Phạm Phú Thứ Phường 11 Quận Tân Bình
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: chưa có

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở: không

1.1.1. Thừa thừa nhất: không

- Địa chỉ: không có
- Diện tích: không có
- Giá trị: không có
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: không có
- Thông tin khác (nếu có): không có

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất: không có Địa chỉ: không có
- Diện tích: không có
- Giá trị: không có
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: không có
- Thông tin khác (nếu có): không có

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: không có

- Địa chỉ: không có
- Loại nhà: không : không có
- Giá trị: không có
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: không có
- Thông tin khác (nếu có): không có

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất: không có

2.2. Công trình xây dựng khác:



2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: không có Địa chỉ: không có
- Loại công trình: không có Cấp công trình: không có
- Diện tích: không có
- Giá trị : không có
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: không có
- Thông tin khác (nếu có): không có

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất:

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây: không có Số lượng: không có Giá trị: không có
- Loại cây: không có Số lượng: không có Giá trị⁽¹⁰⁾: không có

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng: không có Diện tích: không có Giá trị: không có
- Loại rừng: không có Diện tích: không có Giá trị: không có

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: không có Số lượng: không có Giá trị: không có
- Tên gọi: không có Số lượng: không có Giá trị: không có

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: nghe

- | | | |
|--------------------------|--------------------|-------------------|
| - Tên cổ phiếu: không có | Số lượng: không có | Giá trị: không có |
| - Tên cổ phiếu: không có | Số lượng: không có | Giá trị: không có |

6.2. Trái phiếu:

- | | | |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| - Tên trái phiếu: không có | Số lượng không có | Giá trị: không có |
| - Tên trái phiếu: không có | Số lượng không có | Giá trị: không có |

6.3. Vốn góp:

- | | |
|-------------------------------|-------------------|
| - Hình thức góp vốn: không có | Giá trị: không có |
| - Hình thức góp vốn: không có | Giá trị: không có |

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| - Tên giấy tờ có giá: không có | Giá trị: không có |
| - Tên giấy tờ có giá: không có | Giá trị: không có |

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- | | | |
|-------------------------|----------------------|-------------------|
| - Tên tài sản: không có | Số đăng ký: không có | Giá trị: không có |
| - Tên tài sản: không có | Số đăng ký: không có | Giá trị: không có |

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác):

- | | | |
|-------------------------|------------------------------|-------------------|
| - Tên tài sản: không có | Năm bắt đầu sở hữu: không có | Giá trị: không có |
| - Tên tài sản: không có | Năm bắt đầu sở hữu: không có | Giá trị: không có |

8. Tài sản ở nước ngoài.

9. Tài khoản ở nước ngoài:

- | | |
|--|--------------------------|
| - Tên chủ tài khoản: không có | , số tài khoản: không có |
| - Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: không có | |

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

ng

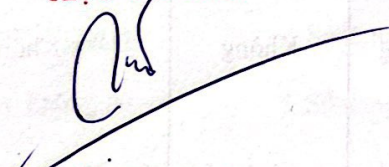
- Tổng thu nhập của người kê khai: không có
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): không có
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không có
- Tổng các khoản thu nhập chung: không có

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/ giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	Không	Không	Không
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng	Không	Không	Không
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	Không	Không	Không
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không	Không	Không
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Không	Không	Không
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng	Không	Không	Không

trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:	Không	Không	Không
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.	Không	Không	Không
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.	Không	Không	Không

Tân Bình... ngày 23 tháng 12 năm 2022
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)
HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Huệ

Tân Bình, Ngày 23 tháng 12 năm 2022
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN


 Nguyễn Thị Anh Thơ